

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ KIỂM TRA GIỮA KÌ I SINH 10
NĂM HỌC 2026 – 2027

1. Thời điểm kiểm tra: Tuần 8, 9 của năm học.

2. Thời gian làm bài: 45 phút.

3. Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận

4. Cấu trúc:

+ Mức độ đề: 40% *Nhận biết*; 30% *Thông hiểu*; 30% *Vận dụng*.

+ Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng/đúng nhất: 12 Câu = 3 điểm

+ Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 3 Câu = 12 ý = 3 điểm

+ Phần III. Trắc nghiệm câu trả lời ngắn: 4 câu = 1 điểm

+ Phần IV. Tự luận: 3 Câu = 3 điểm

5. Bản ma trận:

MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

T T	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức				Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm			
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận									
			B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD				
1	Phần mở đầu	Các cấp độ tổ chức của thế giới sống	1	1					2						1			4	1		20,0
2	Thành phần hóa học của tế bào	1. Các nguyên tổ hóa học và nước	3	1			2	2		2								7	3		25,0
		2. Các phân tử sinh học trong tế bào	2		4			4	4						1	1		2	5	9	55,0
Tổng số câu/ý			6	2	4		2	6	4	4			1	1	1		13	9	9	31	
Tổng số điểm			1,5	0,5	1		0,5	1,5	1	1			1,0	1,0	1,0					10	
Tỉ lệ %			30			30						30			40	30	30	100			

6. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I LỚP 10

TT	Chương / chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra theo các mức độ)	Số lượng câu/lệnh hỏi ở các mức độ			
				Trắc nghiệm			Tự luận
				Nhiều lựa chọn	Đúng-Sai	Trả lời ngắn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Phần mở đầu	1. Các cấp độ tổ chức của thế giới sống	Nhận biết Phát biểu được khái niệm cấp độ tổ chức sống. Trình bày được các đặc điểm chung của các cấp độ tổ chức sống.	1		2	1
			Thông hiểu Phân biệt được các cấp độ tổ chức sống dựa trên hình ảnh. Giải thích được mối quan hệ giữa các cấp độ tổ chức sống.	1			
2	Thành phần phân hóa học của tế bào	1. Các nguyên tố hóa học và nước	Nhận biết Nêu được khái quát học thuyết tế bào. Liệt kê được một số nguyên tố hoá học chính có trong tế bào (C, H, O, N, S, P). Nêu được vai trò của các nguyên tố vi lượng trong tế bào. Nêu được vai trò của các nguyên tố đa lượng trong tế bào. Nêu được vai trò quan trọng của nguyên tố carbon trong tế bào (cấu trúc nguyên tử C có thể liên kết với chính nó và nhiều nhóm chức khác nhau).	3	2	2	
			Thông hiểu Giải thích được tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể sống. Trình bày được đặc điểm cấu tạo phân tử nước quy định tính chất vật lí, hoá học và sinh học của nước.	1	2		

			Trình bày được đặc điểm cấu tạo phân tử nước quy định vai trò sinh học của nước trong tế bào.				
		2. Các phân tử sinh học trong tế bào	Nhận biết Nêu được khái niệm phân tử sinh học. Nêu được một số nguồn thực phẩm cung cấp carbohydrate cho cơ thể. Nêu được một số nguồn thực phẩm cung cấp lipid cho cơ thể. Nêu được một số nguồn thực phẩm cung cấp protein cho cơ thể.	2			
			Thông hiểu Trình bày được thành phần cấu tạo (các nguyên tố hoá học và đơn phân) của carbohydrate trong tế bào. Trình bày được vai trò của carbohydrate trong tế bào. Trình bày được thành phần cấu tạo (các nguyên tố hoá học và đơn phân) của lipid trong tế bào. Trình bày được vai trò của lipid trong tế bào. Trình bày được thành phần cấu tạo (các nguyên tố hoá học và đơn phân) của protein trong tế bào. Trình bày được vai trò của protein trong tế bào. Trình bày được thành phần cấu tạo (các nguyên tố hoá học và đơn phân) của nucleic acid trong tế bào. Trình bày được vai trò của nucleic acid trong tế bào.		4		1
			Vận dụng Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và vai trò của carbohydrate. Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và vai trò của protein. Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và vai trò của lipid.	4	4		1

			Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và vai trò của nucleic acid. Giải thích được vai trò của DNA trong xác định huyết thống, truy tìm tội phạm,.... Vận dụng được kiến thức về thành phần hoá học của tế bào vào giải thích các hiện tượng và ứng dụng trong thực tiễn (ví dụ: ăn uống hợp lý; giải thích vì sao thịt lợn, thịt bò cùng là protein nhưng có nhiều đặc điểm khác nhau);				
Tổng số câu/ý				12	12	4	3